

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01 /GPMT-UBND

Ninh Phước, ngày 01 tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2386/QĐ-UBND ngày 15/7/2021 của Ủy ban nhân
dân huyện Ninh Phước về việc ban hành quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân
huyện Ninh Phước nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của Ủy ban nhân
dân huyện Ninh Phước về điều chỉnh bổ sung quy chế làm việc của UBND huyện
Ninh Phước nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của Ủy ban nhân
dân huyện Ninh Phước về việc phân công nhiệm vụ thành viên Ủy ban nhân dân
huyện Ninh Phước nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Thông báo số 46/TB-UBND ngày 23/02/2024 của Ủy ban nhân dân
huyện Ninh Phước về việc bổ sung điểm b khoản 1 Điều 4 và điểm a,b khoản 2,
Điều 4 quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của Ủy ban nhân dân
huyện Ninh Phước.

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Khoa
Kỹ sinh vật Thăng Long-Chi nhánh Ninh Thuận số 02/CNTL-SX ngày
28/12/2023; số 02/CV-TLNT ngày 02/02/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 309
/TTr-PTNMT ngày 27 tháng 02 năm 2024.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Khoa Kỹ sinh vật Thăng Long-Chi nhánh Ninh Thuận, địa chỉ Khu sản xuất và kiểm định giống thủy sản tập trung An Hải, xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Trại sản xuất tôm bố mẹ và tôm giống sạch bệnh (sau đây viết tắt là Cơ sở) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

- 1.1. Tên Cơ sở: Trại sản xuất tôm bố mẹ và tôm giống sạch bệnh.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 24 xã An Hải, thuộc khu sản xuất và kiểm định giống thủy sản tập trung An Hải, xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 1100592721-006 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp đăng ký lần đầu ngày 14/10/2022 cho Công ty TNHH khoa kỹ sinh vật Thăng Long - Chi nhánh Ninh Thuận.
- 1.4. Mã số thuế: 1100592721-006.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất và kinh doanh tôm giống.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:
 - Diện tích đất sử dụng của cơ sở là 18.908 m², diện tích xây dựng các hạng mục sản xuất 10.190,56 m². Phần diện tích còn lại xây dựng sân, đường nội bộ và trồng cây xanh.
 - Quy mô sản xuất: 3 tỷ post/năm.
 - Tổng mức đầu tư: 20.000.000.000 đồng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường**kèm theo:**

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.



2. Công ty TNHH khoa kỹ sinh vật Thăng Long - Chi nhánh Ninh Thuận có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Mười (10) năm (từ ngày 01 tháng 3 năm 2024 đến ngày 01 tháng 3 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân xã An Hải tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã An Hải;
- Chủ Cơ sở;
- Cổng Thông tin điện tử UBND huyện;
- Lưu: VT, PTNMT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đàng Năng Tom

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **01** /GPMT-UBND ngày **01** tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc và nước thải từ hoạt động sản xuất tại Cơ sở.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt được tái sử dụng hoàn toàn trong khuôn viên cơ sở.

- Nước thải sản xuất sau khi xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số $k_q = 1$, $k_f = 1,1$) sẽ đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu sản xuất và kiểm định giống thủy sản tập trung xã An Hải.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: xả vào 02 bể chứa.

+ Bể chứa 1 (Tại khu vực nhà văn phòng): Tọa độ $x = 1273948,9$; $y = 582878,5$; hệ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3° .

+ Bể chứa 2 (Tại khu vực nhà nghỉ công nhân): Tọa độ $x = 1273960,5$; $Y = 582851,8$; hệ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3° .

- Nước thải sản xuất: Tại vị trí có tọa độ $x = 1273940,7$; $y = 582914,3$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nước thải sinh hoạt: $2,32 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $0,097 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Nước thải sản xuất: $152 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $6,3 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Dùng máy bơm công suất 1,5 Hp, ống nhựa mềm đường kính 20mm bơm lên tái sử dụng toàn bộ trong khuôn viên cơ sở.

- Nước thải sản xuất: Tự chảy vào hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu sản xuất và kiểm định giống thủy sản tập trung xã An Hải.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

Nước thải sản xuất: liên tục (24 giờ).



2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

- Nước thải sinh hoạt phải đạt giá trị cột B, QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000

- Nước thải sản xuất trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đạt giá trị cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số $k_q = 1$, $k_f = 1,1$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	55
3	COD	mg/l	165
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	110
5	Tổng Nitơ	mg/l	44
6	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6,6
7	Coliform	MPN/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:



- Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn. Nước thải sau khi xử lý được tái sử dụng toàn bộ trong khuôn viên cơ sở.

- Nước thải sản xuất phát sinh chủ yếu từ quá trình xả thay nước từ các bể nuôi trong quá trình nuôi và xả bỏ sau khi kết thúc vụ nuôi, nước xả từ nuôi tôm sử dụng để vệ sinh bể nuôi. Toàn bộ nước thải sản xuất được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung trong cơ sở. Sau đó được dẫn vào hệ thống thoát nước thải chung của Khu sản xuất và kiểm định giống Thủy sản tập trung An Hải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1 Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải của bể tự hoại: Nước thải → bể tự hoại 03 ngăn, dung tích 6,2 m³/bể, kết cấu được xây bằng gạch, đá; đặt dưới nền nhà.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: chế phẩm Biox với tần suất 02 tháng/lần.

1.2.2 Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất phát sinh được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở có 03 ngăn xây bằng gạch xi măng. Thể tích bể: $V = 228,48 \text{ m}^3$, kích thước bể BxLxH = (4,2x17x3,2)m. Sau đó được dẫn vào hệ thống thoát nước thải chung của Khu sản xuất và kiểm định giống Thủy sản tập trung An Hải.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất Chlorine, với lượng sử dụng 10 mg/lít nước thải, tương đương 0,4 g/ngày.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: bắt đầu từ ngày 18/3/2024 đến ngày 18/4/2024. Thời gian lấy mẫu từ ngày 02/4/2024 đến ngày 04/4/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu đối với nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Bể chứa 1 (Tại khu vực nhà văn phòng): Tọa độ $x = 1273948,9$; $y = 582878,5$; hệ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3° .

+ Bể chứa 2 (Tại khu vực nhà nghỉ công nhân): Tọa độ $x = 1273960,5$; $Y = 582851,8$; hệ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3° .

- Nước thải sản xuất: Tại vị trí có tọa độ $x = 1273940,7$; $y = 582914,3$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Ba (03) mẫu đơn trong ba (03) ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi thu gom vào hồ chứa để tái sử dụng tuần hoàn trong khuôn viên cơ sở.

3.2. Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải bảo đảm nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

3.3. Công ty TNHH khoa kỹ sinh vật Thăng Long - Chi nhánh Ninh Thuận chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 01 tháng 03 năm 2024
của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 50 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải, dầu nhớt thải, bao bì cứng thải, giẻ lau dính dầu nhớt.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh: Khối lượng chất thải rắn phát sinh tại cơ sở khoảng 44 kg/ngày, trong đó:

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 29 kg/ngày, thành phần chủ yếu là thức ăn dư thừa, bao bì, hộp đựng thức ăn,..

- Chất thải rắn sản xuất khoảng 15 kg/ngày, thành phần bao gồm bao bì đựng thức ăn cho tôm, thuốc bảo vệ cho tôm,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: 04 thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt, có nắp đậy, thể tích 120 lít/thùng đặt tại kho lưu chứa chất thải nguy hại đáp ứng quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Kho lưu chứa: có diện tích 3 m², kích thước: BxL = (1,5x2)m, đặt trong khuôn viên cơ sở.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 12 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 150 lít/thùng.

- Các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt được đặt tại các dãy nhà của cơ sở. Cuối ngày được nhân viên vệ sinh chuyển về khu tập trung rác thải sinh hoạt của cơ sở. Định kỳ 2 lần/tuần hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải là Hộ kinh doanh Đức Hòa, xã An Hải đến thu gom và chuyển cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Sản xuất Nam Thành Ninh Thuận xử lý theo quy định.

2.3 Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố sét và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố, tài chính cho ứng phó sự cố môi trường và công khai thông tin trong phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126, Điều 128 và Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



Phụ lục 3**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 01 tháng 03 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn về đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không còn hạng mục, công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại, bố trí khu lưu giữ, chuyển giao các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động Cơ sở theo các quy định pháp luật hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.

